

Bản án số:19/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trang
Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm Ckhai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Văn C** - sinh năm 1990 (*có mặt*)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Triều Đ, xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Lê Thị Bích N** - sinh năm 1990 (*có đơn xét xử vắng mặt*)

Nơi đăng ký thường trú: thôn Triều Đ, xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Can tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 28/12/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh và chị Lê Thị Bích N được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 25/4/2016 tại UBND xã Tân M, huyện Thường Tín,

Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Triều Đ, xã Tân M, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị N chơi cờ bạc online dẫn đến nợ nần nhiều người, anh C đã nhiều lần phải trả nợ cho chị N. Gia đình và anh C đã khuyên bảo nhưng chị N không thay đổi, không quan tâm chăm sóc đến gia đình chồng con. Khoảng đầu năm 2023 thì chị N bỏ nhà vào trong Bình Dương sinh sống, gia đình không biết chị N đi đâu, làm việc gì và cư trú tại địa chỉ nào. Khoảng tháng 11 năm 2023 anh C được gia đình bố mẹ đẻ chị N thông báo chị N đã bị bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản và đang bị tạm giam tại trại tạm giam Can tỉnh Bình Dương. Anh C nhận thấy không còn tình cảm với chị N và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 17/11/2016 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 02/8/2019. Anh C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C là kỹ sư thiết kế tại Cty TNHH Aspark, mức thu nhập khoảng 40.000.000 đồng/01 tháng, có chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng anh không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và anh C không yêu cầu Tòa án xem xét.

Qua kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, bị đơn là chị Lê Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Tân M, huyện Thường Tín là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà chồng tại thôn Triều Đ, xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2023, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã vào sống tại tỉnh Bình Dương, sau đó do vi phạm pháp luật nên chị đang bị tạm giam tại trại tạm giam Can tỉnh Bình Dương. Do mâu thuẫn giữa chị và anh C không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 17/11/2016 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 02/8/2019. Chị N đồng ý giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị N không yêu cầu Tòa án xem xét.

Do đang bị khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản và bị tạm giam nên chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

+Anh C: giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Các đương sự chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị Bích N. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 17/11/2016 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 02/8/2019 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị N có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Bích N đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 25/4/2016 tại UBND xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Các đương sự đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và cả hai đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay. Qua xác minh tại Phòng cảnh sát hình sự- Can tỉnh Bình Dương, ngày 01/11/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Can tỉnh Bình Dương khởi tố bị can, lệnh tạm giam đối với chị Lê Thị Bích N,

sinh năm 1990 (nơi thường trú: thôn Triều Đ, xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội) về hành vi “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 4 – Điều 173 Bộ luật hình sự, hiện chị N đang bị tạm giam để điều tra về hành vi phạm tội như trên. Theo cung cấp của gia đình hai bên và đại diện chính quyền địa phương thì anh C và chị N vợ chồng có mâu thuẫn và không sống chung với nhau. Chị N đồng ý ly hôn với anh C. Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, anh C và chị N vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương, chăm sóc quan tâm đến nhau thể hiện hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh C là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị Bích N.

[4] Về con chung: Anh C và chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 17/11/2016 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 02/8/2019. Xét thấy, chị N đang bị tạm giam để điều tra nên không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con, mặt khác chị N đồng ý giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo điều kiện chăm sóc giáo dục tốt nhất cho các con anh chị, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 26- Luật thi hành án dân sự.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Công. Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Vân A sinh ngày 17/11/2016 và Nguyễn Thanh T sinh ngày 02/8/2019 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị Lê Thị Bích N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0016075 ngày 28/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Bích N quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã Tân M, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền

